



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2419 /MB-HS

V/V: Công bố thông tin định kỳ về tình hình
thanh toán gốc, lãi của MB kỳ báo cáo năm
2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Nhà đầu tư

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2022/NĐ-CP, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2026 và các quyết định sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6266.1088
- Số Fax giao dịch: 024.6266.1080
- Địa chỉ thư điện tử: info@mbbank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- 2) Phát hành chứng chỉ tiền gửi
- 3) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - e) Thư tín dụng
- 4) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- 5) Cung ứng các phương tiện thanh toán
- 6) Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 7) Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
- 8) Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng nhà nước
- 9) Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
- 10) Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật
- 11) Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước
- 12) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
- 13) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- 14) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- 15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước
- 16) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
- 17) Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất
- 18) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 19) Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 20) Các hoạt động kinh doanh khác
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản;
 - c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - đ) Kinh doanh vàng;
 - e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
 - h) Phát hành trái phiếu;
 - i) Lưu ký chứng khoán;
 - k) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- 21) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- 22) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- 23) Mua nợ.

- Mã số thuế: 0100283873



2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

- Kỳ báo cáo: năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)
- Ngày thống kê: 31/12/2025
- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội

ST T	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm m)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1)=(2)+(3) +(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trương hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán lãi gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc lãi
1	MBBL2434008	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	17/01/ 2025	17/01/ 2025	17/01/ 2025	6.475	3,264,109,5 89	3,264,109,5 89				
2	MBBL2431001	150,000,000,000	150,000,000,000	Lãi	27/03/ 2025	27/03/ 2025	27/03/ 2025	6.500	9,750,000,0 00	9,750,000,0 00				
3	MBBL2434003	800,000,000,000	800,000,000,000	Lãi	29/03/ 2025	31/03/ 2025	31/03/ 2025	6.500	12,821,917, 808	12,821,917, 808				
4	MBBL2431002	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	29/03/ 2025	31/03/ 2025	31/03/ 2025	6.200	6,200,000,0 00	6,200,000,0 00				
5	MBBL2432004	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	04/04/ 2025	04/04/ 2025	04/04/ 2025	6.275	12,550,000, 000	12,550,000, 000				
6	MBBL2431006	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	08/04/ 2025	08/04/ 2025	08/04/ 2025	6.175	6,175,000,0 00	6,175,000,0 00				
7	MBBL2431005	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	Lãi	08/04/ 2025	08/04/ 2025	08/04/ 2025	6.175	61,750,000, 000	61,750,000, 000				
8	MBBL2431007	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	09/04/ 2025	09/04/ 2025	09/04/ 2025	6.175	6,175,000,0 00	6,175,000,0 00				
9	MBBL2434008	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	17/04/ 2025	17/04/ 2025	17/04/ 2025	6.475	3,193,150,6 85	3,193,150,6 85				
10	MBBL2431009	400,000,000,000	400,000,000,000	Lãi	22/04/ 2025	22/04/ 2025	22/04/ 2025	6.175	24,700,000, 000	24,700,000, 000				
11	MBBL2431010	301,000,000,000	301,000,000,000	Lãi	26/04/ 2025	28/04/ 2025	28/04/ 2025	6.175	18,586,750, 000	18,586,750, 000				
12	MBBL2227006	360,000,000,000	360,000,000,000	Lãi	29/04/ 2025	29/04/ 2025	29/04/ 2025	6.175	22,230,000, 000	22,230,000, 000				
13	MBBL2227007	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	06/05/ 2025	06/05/ 2025	06/05/ 2025		3,087,500,0	3,087,500,0				

					2025	2025	2025	6.175	00	00				
14	MBBL2227008	40,000,000,000	40,000,000,000	Lãi	09/05/2025	09/05/2025	09/05/2025	6.175	2,470,000,000	2,470,000,000				
15	MBBL2431011	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	27/05/2025	27/05/2025	27/05/2025	6.175	12,350,000,000	12,350,000,000				
16	MBBL2229016	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	15/06/2025	16/06/2025	16/06/2025	7.050	3,525,000,000	3,525,000,000				
17	MBBL2227015	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	15/06/2025	16/06/2025	16/06/2025	6.075	3,037,500,000	3,037,500,000				
18	MBBL2426012	2,000,000,000,000	-	Lãi	19/06/2025	19/06/2025	19/06/2025	5.275	105,500,000,000	105,500,000,000				
19	MBBL2431013	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	Lãi	20/06/2025	20/06/2025	20/06/2025	6.175	61,750,000,000	61,750,000,000				
20	MBBL2426014	2,000,000,000,000	-	Lãi	20/06/2025	20/06/2025	20/06/2025	5.275	105,500,000,000	105,500,000,000				
21	MBBL2434003	800,000,000,000	800,000,000,000	Lãi	29/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	6.475	13,056,438,357	13,056,438,357				
22	MBBL2434008	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	17/07/2025	17/07/2025	17/07/2025	6.475	3,228,630,137	3,228,630,137				
23	MBBL2427015	2,000,000,000,000	-	Lãi	23/07/2025	23/07/2025	23/07/2025	5.450	109,000,000,000	109,000,000,000				
24	MBBL2427016	2,000,000,000,000	-	Lãi	24/07/2025	24/07/2025	24/07/2025	5.450	109,000,000,000	109,000,000,000				
25	MBBL2427017	2,000,000,000,000	-	Lãi	25/07/2025	25/07/2025	25/07/2025	5.450	109,000,000,000	109,000,000,000				
26	MBBL2426018	2,000,000,000,000	-	Lãi	25/07/2025	25/07/2025	25/07/2025	5.450	109,000,000,000	109,000,000,000				
27	MBBL2426019	2,000,000,000,000	-	Lãi	26/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	5.450	109,597,260,274	109,597,260,274				
28	MBBL2427020	2,000,000,000,000	-	Lãi	01/08/2025	01/08/2025	01/08/2025	5.450	109,000,000,000	109,000,000,000				
29	MBBL2427021	2,000,000,000,000	-	Lãi	05/08/2025	05/08/2025	05/08/2025	5.450	109,000,000,000	109,000,000,000				
30	MBBL2128001	170,000,000,000	170,000,000,000	Lãi	31/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	6.375	10,837,500,000	10,837,500,000				
31	MBBH2128002	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	31/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	6.375	6,375,000,000	6,375,000,000				
32	MB.BOND.2017.10Y.01	500,000,000,000	500,000,000,000	Lãi	07/09/2025	08/09/2025	08/09/2025	8.600	43,000,000,000	43,000,000,000				
33	MBBL2128004	120,000,000,000	120,000,000,000	Lãi	10/09/2025	10/09/2025	10/09/2025	6.375	7,650,000,000	7,650,000,000				
34	MBBL2229020	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	16/09/2025	16/09/2025	16/09/2025	6.175	6,175,000,000	6,175,000,000				
35	MBBL2128005	245,000,000,000	245,000,000,000	Lãi	20/09/2025	22/09/2025	22/09/2025		15,618,750,	15,618,750,				

					2025	2025	2025	6.375	000	000				
36	MBBL2330001	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	22/09/2025	22/09/2025	22/09/2025	7.500	7,500,000,000	7,500,000,000				
37	MBBL2330002	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	29/09/2025	29/09/2025	29/09/2025	7.500	15,000,000,000	15,000,000,000				
38	MBBL2434003	800,000,000,000	800,000,000,000	Lãi	29/09/2025	29/09/2025	29/09/2025	6.475	13,056,438,356	13,056,438,356				
39	MB.2019.10Y.01	60,000,000,000	60,000,000,000	Lãi	30/09/2025	30/09/2025	30/09/2025	8.600	5,160,000,000	5,160,000,000				
40	MBBL2330003	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	03/10/2025	03/10/2025	03/10/2025	6.175	3,087,500,000	3,087,500,000				
41	MBBL2128008	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	05/10/2025	06/10/2025	06/10/2025	6.375	12,750,000,000	12,750,000,000				
42	MB.BOND.2017.10Y.08	20,000,000,000	20,000,000,000	Lãi	10/10/2025	10/10/2025	10/10/2025	8.600	1,720,000,000	1,720,000,000				
43	MBBL2330004	500,000,000,000	-	Lãi	13/10/2025	13/10/2025	13/10/2025	6.475	32,375,000,000	32,375,000,000				
44	MB.2018.10Y.01	170,000,000,000	170,000,000,000	Lãi	16/10/2025	16/10/2025	16/10/2025	6.475	11,007,500,000	11,007,500,000				
45	MB.2018.10Y.02	140,000,000,000	140,000,000,000	Lãi	17/10/2025	17/10/2025	17/10/2025	8.500	11,900,000,000	11,900,000,000				
46	MBBL2434008	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	17/10/2025	17/10/2025	17/10/2025	6.475	3,264,109,589	3,264,109,589				
47	MBBL2128009	220,000,000,000	220,000,000,000	Lãi	25/10/2025	27/10/2025	27/10/2025	7.200	15,840,000,000	15,840,000,000				
48	MBBL2128011	80,000,000,000	80,000,000,000	Lãi	25/10/2025	27/10/2025	27/10/2025	6.375	5,100,000,000	5,100,000,000				
49	MBBL2330005	1,000,000,000,000	-	Lãi	25/10/2025	27/10/2025	27/10/2025	6.475	64,750,000,000	64,750,000,000				
50	MB.2018.10Y.03	25,000,000,000	25,000,000,000	Lãi	26/10/2025	27/10/2025	27/10/2025	8.500	2,125,000,000	2,125,000,000				
51	MB.2019.10Y.02	80,000,000,000	80,000,000,000	Lãi	04/11/2025	04/11/2025	04/11/2025	8.700	6,960,000,000	6,960,000,000				
52	MBBL2330006	500,000,000,000	-	Lãi	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025	6.375	31,875,000,000	31,875,000,000				
53	MB.2018.10Y.04	45,000,000,000	45,000,000,000	Lãi	28/11/2025	28/11/2025	28/11/2025	8.500	3,825,000,000	3,825,000,000				
54	MB.2018.10Y.05	20,000,000,000	20,000,000,000	Lãi	28/11/2025	28/11/2025	28/11/2025	8.500	1,700,000,000	1,700,000,000				
55	MB.2018.7Y.01	40,000,000,000	-	Lãi	29/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	8.400	3,360,000,000	3,360,000,000				
56	MBBL2330007	400,000,000,000	-	Lãi	07/12/2025	08/12/2025	08/12/2025	6.375	25,500,000,000	25,500,000,000				
57	MB.2018.7Y.02	400,000,000,000	-	Lãi	12/12/2025	12/12/2025	12/12/2025		25,500,000,000	25,500,000,000				

					2025	2025	2025	6.375	000	000				
58	MBBL2328008	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	12/12/2025	12/12/2025	12/12/2025	6.175	3,087,500,000	3,087,500,000				
59	MBBL2432022	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	Lãi	17/12/2025	17/12/2025	17/12/2025	6.400	64,000,000,000	64,000,000,000				
60	MBBL2330009	200,000,000,000	-	Lãi	18/12/2025	18/12/2025	18/12/2025	6.475	12,950,000,000	12,950,000,000				
61	MBBL2431023	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	19/12/2025	19/12/2025	19/12/2025	6.275	3,137,500,000	3,137,500,000				
62	MBBL2431024	100,000,000,000	100,000,000,000	Lãi	20/12/2025	22/12/2025	22/12/2025	6.175	6,175,000,000	6,175,000,000				
63	MBBL2432025	300,000,000,000	300,000,000,000	Lãi	20/12/2025	22/12/2025	22/12/2025	6.275	18,825,000,000	18,825,000,000				
64	MBBL2432026	50,000,000,000	50,000,000,000	Lãi	23/12/2025	23/12/2025	23/12/2025	6.275	3,137,500,000	3,137,500,000				
65	MBBL2432027	700,000,000,000	700,000,000,000	Lãi	23/12/2025	23/12/2025	23/12/2025	6.275	43,925,000,000	43,925,000,000				
66	MBB12512	500,000,000,000	500,000,000,000	Lãi	24/12/2025	24/12/2025	24/12/2025	6.175	15,479,794,521	15,479,794,521				
67	MBBL2330010	100,000,000,000	-	Lãi	28/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	6.375	6,375,000,000	6,375,000,000				
68	MBBL2330011	199,000,000,000	-	Lãi	29/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	6.475	12,885,250,000	12,885,250,000				
69	MBBL2330012	150,000,000,000	-	Lãi	29/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	6.475	9,712,500,000	9,712,500,000				
70	MBBL2434003	800,000,000,000	800,000,000,000	Lãi	29/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	6.475	12,914,520,548	12,914,520,548				
71	MBBL2229021	200,000,000,000	200,000,000,000	Lãi	30/12/2025	30/12/2025	30/12/2025	8.800	17,600,000,000	17,600,000,000				
72	MB.2018.7Y.01	40,000,000,000	-	Gốc	29/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	8.400	40,000,000,000	40,000,000,000				
73	MB.2018.7Y.02	400,000,000,000	-	Gốc	12/12/2025	12/12/2025	12/12/2025	6.375	400,000,000,000	400,000,000,000				

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu: VT, Trea, TA (03)

NGƯỜI LẬP BIỂU
TRƯỞNG PHÒNG HỖ TRỢ
TREASURY VÀ ĐẦU TƯ



Đỗ Thị Hải Yến

Ý KIẾN PHÒNG KINH
DOANH TRÁI PHIẾU
VÀ PHÁT HÀNH



Phạm Hồng Quân

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Châu

